

**KHUNG KẾ HOẠCH THỜI GIAN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH
NĂM HỌC 2024-2025 (5- 6 TUỔI)**

(Thực hiện từ ngày 16/09/2024 đến ngày 23/5/2025)

TT	Chủ đề	Chủ đề nhánh	Số tuần	Thời gian thực hiện
1	Trường Mầm Non thân yêu (4 tuần)	- Bé vui tết trung thu	1	16-20/09/2024
		- Trường mầm non thân yêu	2	23- 27/ 09/2024
		-Lớp Mẫu giáo của bé	3	30/09-4/10/ 2024
		-Các hoạt động trong trường mầm non	4	07- 11/10/2024
2	Bản thân (3 tuần)	- Bé tự giới thiệu về mình	5	14 - 18/10/2024
		-Cơ thể bé và bạn	6	21 - 25/10/ 2024
		- Bé lớn lên từng ngày	7	28/- 01/ 11/2024
3	Gia đình (5 tuần)	- Ngôi nhà của bé	8	04– 08/11/2024
		- Gia đình thân yêu của bé	9	11- 15/11/2024
		- Ngày hội của cô giáo	10	18- 22/11/ 2024
		- Đồ dùng trong gia đình bé	11	25- 29/11/2024
		- Nhu cầu trong gia đình bé	12	02/12 - 06/12/2024
4	Lớn lên bé thích làm nghề gì? (4tuần)	- Bé yêu nghề nông nghiệp.	13	09- 13/12/2024
		- Cháu yêu chú bộ đội	14	16- 20/12/2024
		- Nghề thợ xây	15	23 - 27/12/2024
		- Nghề bác sỹ	16	30/12 -03/01/2025
5	Tết trên quê em và Thế giới thực vật (4 tuần)	- Cây xanh và môi trường sống	17	06-10/01/2025
		- Một số loại rau củ	18	13-17/01/2025
		- Tết và mùa xuân	19	20-24/01/2025
		Nghỉ tết âm lịch, ôn tập		27/-31/01/2025
		- Một số loại hoa – quả	20	03/02 - 07/02/2025
6	Những con vật đáng yêu (5 tuần)	-Động vật nuôi trong gia đình	21	10-14/02/2025
		- Động vật sống trong rừng	22	17-21/02/2025
		- Động vật sống dưới nước	23	24-28/02/2025
		- Ngày vui 8/3	24	02/03-07/03/2025
		-Côn trùng và một số loài chim	25	10/03-14/03/2025
7	Bé tìm hiểu	- PT và QĐGT đường bộ.	26	17- 21/03/2025

	phương tiện và QĐGT(3 tuần)	-PT và QĐGT đường không	27	24- 28/03/2025
		-PT và QĐGT đường thủy	28	31/3 - 04/04/2025
8	Một số hiện tượng tự nhiên (3 tuần)	- Bé biết gì về nước	29	07- 11/04/2025
		- Các hiện tượng tự nhiên	30	14- 18/04/ 2025
		- Thử tự các mùa trong năm	31	21- 25/04/2025
9	Quê hương yêu dấu- Bác Hồ của em (4 tuần)	- Quê hương em yêu dấu	32	28/04 - 02/05/ 2025
		- Đất nước Việt Nam diệu kỳ	33	05 – 09/05/ 2025
		-Bác Hồ Kính yêu	34	12 – 16/05/ 2025
		- Trường tiểu học- và đồ dùng lớp 1	35	19 – 23/05/ 2025
Tổng :		35 tuần		

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CHĂM SÓC, GIÁO DỤC NĂM HỌC 2024 - 2025

PHẦN A KẾ HOẠCH CHĂM SÓC VỆ SINH - DINH DƯỠNG

1. Mục tiêu:

1.1 Tổ chức bữa ăn

- Nhà trường tổ chức các bữa ăn cho trẻ đảm bảo theo quy định, đủ năng lượng của trẻ trong ngày, cung cấp dinh dưỡng giúp trẻ phát triển cân đối, giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng
- Giáo viên cung cấp cho trẻ biết được một số món ăn, hực phẩm; trẻ kể được một số dạng chế biến thông thường và lợi ích của các loại thực phẩm.
- Giáo viên rèn cho trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống, trẻ làm một số việc tự phục vụ trong tổ chức bữa ăn; trẻ biết phân loại các đồ dùng ăn uống.

1.2 Tổ chức giấc ngủ

- Giúp trẻ có giấc ngủ tốt với khoảng thời gian 150 phút, đảm bảo sức khỏe, giúp trẻ phát triển toàn diện
- Trẻ có thói quen chuẩn bị cho giấc ngủ tốt và sau khi ngủ dậy

1.3 Tổ chức vệ sinh

- Giáo viên giúp trẻ có thói quen vệ sinh vệ sinh, có một số hành vi tốt trong vệ sinh, biết giữ gìn cơ thể khỏe mạnh.
- Trẻ biết thực hiện vệ sinh hằng ngày và khi thấy bẩn; trẻ thực hiện các thao tác VS có kỹ năng tốt.

1.4 Chăm sóc sức khỏe

- Trẻ biết giữ gìn sức khỏe và sự an toàn. Trẻ có một số kiến thức về phòng bệnh thông thường và phòng bệnh theo mùa cho trẻ

2. Chuẩn bị:

- Tổ chức bữa ăn: Giáo viên phải chuẩn bị đầy đủ đồ dùng cho bữa ăn
- Tổ chức giấc ngủ: Giáo viên phải chuẩn bị tâm thế cho trẻ, các đồ dùng phục vụ tốt cho giờ ngủ
- Tổ chức vệ sinh: Giáo viên chuẩn bị đầy đủ đồ dùng vệ sinh, nước sạch, nước sát khuẩn...
- Chăm sóc sức khỏe: Giáo viên thường xuyên theo dõi sức khỏe trẻ.

3.Nội dung

Nội dung	Phương pháp hình thức thực hiện	Người thực hiện, người phối hợp thực hiện	Lưu ý/điều chỉnh
3.1 Tổ chức bữa ăn	<i>a.Số lượng và chất lượng bữa ăn:</i> - Trẻ ăn tại trường : Một bữa chính và một bữa phụ. + Năng lượng phân phối cho các bữa ăn: Bữa chính buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp từ 15% đến 25% năng lượng cả ngày. + Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một ngày chiếm 50 - 55% nhu cầu cả ngày: 615 - 726 Kcal. + Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo cơ cấu đầy đủ các chất - Xây dựng thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa. <i>* Lượng thực phẩm:</i> - Mỗi bữa chính trẻ ăn 280g - 300g cơm và thức ăn (khoảng 2 bát) với đủ năng lượng và các chất dinh dưỡng cần thiết như: Đạm, bột, đường, muối khoáng . <i>* Nước uống:</i> - Hàng ngày trẻ được uống nước đầy đủ, nhất là về mùa hè. Lượng nước cần được đưa vào cơ thể trẻ 1,6 - 2 lít nước một ngày (cả trong thức ăn và hoa quả). - Mùa đông cần ủ nước cho ấm. - Giáo viên cho trẻ uống theo nhu cầu và chia làm nhiều lần trong ngày. Không nên cho trẻ uống nhiều nước trước bữa ăn. <i>b. Chăm sóc bữa ăn</i> <i>* Trước khi ăn.</i> - Giáo viên chuẩn bị đầy đủ đồ dùng vệ sinh và hướng dẫn trẻ vệ sinh sạch sẽ, rửa tay sát khuẩn trước khi ngồi vào bàn ăn. - Giáo viên chuẩn bị đầy đủ đồ dùng ăn uống cho trẻ và một số đồ dùng khác	-CBQL chỉ đạo thực hiện. -GV phối hợp phụ huynh thực hiện	

	<i>* Trong khi ăn.</i> - Giáo viên tạo không khí ngon miệng cho trẻ, động viên trẻ ăn hết suất - Dạy trẻ có một số hành vi văn minh trong ăn uống <i>* Sau khi ăn:</i> - Giáo viên hướng dẫn trẻ tự VS răng miệng, uống nước - Giáo viên lau sàn nhà khô ráo sạch sẽ, sát khuẩn sàn nhà sau khi ăn xong.		
3.2 Tổ chức giấc ngủ	<i>* Chuẩn bị trước khi trẻ ngủ:</i> - Giáo viên chuẩn bị đầy đủ các đồ dùng cho giấc ngủ của trẻ, tâm thế cho trẻ phải thoải mái, phù hợp theo mùa <i>* Theo dõi trẻ trong khi ngủ:</i> - Trẻ có thói quen ngủ trưa 1 giấc khoảng 140p- 150 phút. Trẻ ngủ ngon giấc, đầy giấc. - Giáo viên nhắc trẻ vào chỗ ngủ nằm đúng tư thế. Khi trẻ ngủ cô phải thường xuyên có mặt để theo dõi trẻ ngủ an toàn, giáo viên thường xuyên quan sát, phát hiện kịp thời và xử lý các tình huống có thể xảy ra trong khi ngủ. <i>* Chăm sóc sau khi trẻ thức dậy:</i> - Không nên đánh thức trẻ đồng loạt, trẻ nào thức trước giáo viên cho trẻ dậy trước. - Giáo viên nhắc nhở trẻ làm một số nhiệm vụ sau khi ngủ dậy, cất đồ dùng vào nơi quy định. Sau khi trẻ tỉnh táo cho trẻ ăn quả chiều.		
3.3. Tổ chức vệ sinh	1. Vệ sinh cá nhân cô: - Cô giáo phải thường xuyên vệ sinh cá nhân sạch sẽ, không làm lan bệnh tật sang trẻ và cộng đồng. <i>* Vệ sinh thân thể:</i> - Rửa tay sát khuẩn hằng ngày, rửa tay sạch bằng xà phòng và nước sạch trước khi cho trẻ ăn hoặc tiếp xúc với thức ăn, sau khi đi vệ sinh.... - Luôn giữ VS khi chăm sóc trẻ. Đeo khẩu trang khi tổ chức bữa ăn cho trẻ. Quần áo gọn gàng, sạch sẽ. Không sử dụng chung đồ dùng của trẻ - Thực hiện tốt quy định 5K của bộ y tế 2. Vệ sinh cá nhân trẻ	- Giáo viên	

	2.1 Chuẩn bị các đồ dùng vệ sinh cá nhân. - Giáo viên chuẩn bị đầy đủ đồ dùng phục vụ cho trẻ vệ sinh cá nhân sạch sẽ 2.2 Chăm sóc và hướng dẫn trẻ thực hiện VSCN, phòng tránh dịch covid - Hướng dẫn trẻ rửa tay sát khuẩn, rửa tay bằng xà phòng và lau khô tay theo đúng trình tự, đảm bảo vệ sinh. - Trẻ thực hiện tốt quy định 5K của Bộ y tế 3. Vệ sinh môi trường: * Vệ sinh đồ dùng, đồ chơi - Các đồ dùng, đồ chơi trong lớp, trong kho giáo viên phải thường xuyên lau chùi, sắp đặt gọn gàng và đảm bảo an toàn cho trẻ. - Giáo viên có lịch cuối tuần khử khuẩn các loại đồ dùng đồ chơi bằng dung dịch sát khuẩn an toàn và phơi khô ráo - Đồ dùng vệ sinh phải cất đặt gọn gàng, ngăn nắp - Bàn ghế phải cọ rửa vào cuối tuần, phơi khô, xếp đặt gọn gàng. * Vệ sinh phòng nhóm - Giáo viên thường xuyên vệ sinh phòng nhóm sau khi trẻ ăn xong, sau khi trẻ ra về. Phòng phải khô ráo không để trẻ trơn trượt. - Phòng học, phòng kho thường xuyên sạch sẽ, đồ dùng trong kho phải xếp đặt gọn gàng, theo bộ khoa học, dễ thấy, dễ lấy - Phòng vệ sinh thường xuyên được lau chùi sạch sẽ, khô ráo và không có mùi hôi khai. * Xử lý rác, nước thải - Rác thải của nhóm lớp được bỏ vào túi ni lon và bỏ vào thùng rác có nắp đậy của lớp. Cuối ngày giáo viên đưa về nơi tập kết rác thải của nhà trường để xử lý rác sạch sẽ. Phân loại rác theo chất liệu - Thường xuyên khơi thông cống rãnh để thông nguồn nước thải, không để ứ đọng nước thải sau khi rửa xong, không để gây mùi hôi của nước thải, mất vệ sinh. * Giữ sạch nguồn nước - Nguồn nước cho trẻ ăn uống phải đảm bảo đúng quy chuẩn. Cung cấp đủ nước sạch để nấu và sinh hoạt hằng ngày.		
--	---	--	--

	- Dụng cụ chứa nước đảm bảo sạch sẽ không gây độc, có nắp đậy, dễ cọ rửa, an toàn cho người sử dụng.		
3.4. Tổ chức chăm sóc sức khỏe và an toàn	1. Chăm sóc sức khỏe trẻ: * Khám sức khỏe định kỳ: - Nhà trường kết hợp Trạm y tế xã để kiểm tra sức khỏe cho trẻ (Tháng 9, tháng 3), phát hiện xem những trẻ nào mắc các bệnh thông thường. - Nhân viên y tế nhà trường thường xuyên theo dõi sức khỏe trẻ em, kịp thời phát hiện bệnh tật của trẻ để phối hợp với gia đình có hướng xử lý, chuyển đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo qui định. * Khám điều trị chuyên khoa: - Trong năm học nhà trường phối hợp bác sỹ của Trung tâm y tế huyện, bác sỹ chuyên khoa để khám cho trẻ ít nhất 1 lần trong năm; phát hiện những bệnh có thể nguy hiểm để thông báo cho phụ huynh điều trị theo chuyên khoa kịp thời. * Theo dõi và đánh giá sự phát triển thể lực của trẻ bằng biểu đồ - Giáo viên tổ chức cân cho trẻ và ghi vào biểu đồ tăng trưởng mỗi quý một lần (15/9; 15/12; 15/3); đo chiều cao 6 tháng 1 lần (15/9 và 15/ 3). Đối với trẻ bị suy dinh dưỡng, béo phì theo dõi hàng tháng, 2. Phòng và xử lý các bệnh thường gặp: * Phát hiện và chăm sóc trẻ ốm: - Giáo viên thường xuyên quan sát trẻ để phát hiện những biểu hiện của trẻ ốm, trao đổi với phụ huynh và nhân viên y tế để chăm sóc trẻ chu đáo; không để trẻ sốt cao nguy hiểm tính mạng. - Phối hợp với phụ huynh cho trẻ ăn uống đảm bảo các chất khi trẻ ốm. * Phát hiện và xử lý ban đầu của một số bệnh thường gặp: - Giáo viên kịp thời phát hiện trẻ có biểu hiện các bệnh thường gặp, phối hợp cùng phụ huynh để cho trẻ uống thuốc theo sự chỉ dẫn của cán bộ phụ trách công tác y tế. - Giáo viên làm tốt việc tuyên truyền về bệnh thường gặp theo mùa cho phụ huynh nắm bắt và đảm bảo sức khỏe cho trẻ. - Nhà trường có tủ thuốc và có đủ các loại thuốc	Bác sỹ trạm y tế Nhân viên y tế ; Giáo viên Giáo viên; Phụ huynh	

	thông dụng, có dán nhãn mác và hạn sử dụng của các loại thuốc. Tủ thuốc có thêm các dụng cụ y tế khác phục vụ cho phòng tránh một số bệnh thường gặp. Tủ thuốc phải khóa cẩn thận, sạch sẽ, không để các thứ khác vào tủ thuốc. 3. Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp. *An toàn thể lực: - Giáo viên thường xuyên kiểm tra cơ sở vật chất để kịp thời thanh lý, tu sửa, đảm bảo an toàn cho trẻ mọi lúc mọi nơi, không để trẻ bị thương tích. - Giáo viên tạo môi trường an toàn, quản lý trẻ cẩn thận mọi lúc mọi nơi. *An toàn tính mạng: - Đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Nước uống và nước sinh hoạt dùng cho trẻ đảm bảo vệ sinh, không để xảy ra ngộ độc thực phẩm ảnh hưởng đến tính mạng của trẻ. Không để xảy ra việc thất lạc trẻ. - Đồ chơi ngoài trời, phù hợp với độ tuổi, CSVC đảm bảo an toàn đảm bảo an toàn về tính mạng. - Phối hợp với các ban ngành đoàn thể để giữ an toàn giao thông trong giờ đưa đón trẻ.	Nhân viên y tế, giáo viên, phụ huynh Giáo viên	
--	--	--	--

PHẦN B
KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC

MỤC TIÊU	NỘI DUNG
Lĩnh vực phát triển thể chất	
*Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe	
MT1. Trẻ khỏe mạnh, cân nặng, chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi Trẻ trai : + Cân nặng từ 16 - 26.6 kg + Chiều cao từ 106.4 - 125.8 cm Trẻ gái : + Cân nặng từ 15 - 26.2 kg + Chiều cao từ 104.8 - 124.5 cm	- Trẻ khỏe mạnh phát triển cân đối - Ăn đầy đủ các chất dinh dưỡng - Vệ sinh trong ăn uống và vệ sinh cá nhân sạch sẽ - Tập các bài tập thể dục thường xuyên - Cân đo, theo dõi qua biểu đồ tăng trưởng - Khám sức khỏe định kỳ. Có biện pháp Phòng chống suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì.
MT2. Trẻ có một số hành vi, thói quen tốt trong ăn uống: Mời cô, mời bạn khi ăn, không đùa nghịch không làm đổ vãi thức ăn; ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. Trẻ biết lấy tay che miệng khi ho, hắt hơi, ngáp. Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe:	- Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống. - Khi đứng trước đông người ho, hắt hơi, ngáp biết che miệng để không mất vệ sinh. - Tập đánh răng. - Thực hiện vệ sinh cá nhân rửa tay, lau mặt, súc miệng. - Tự tháo tất, cởi quần áo... - Sử dụng khăn mặt, cốc uống nước đúng cách - Chải tóc, vuốt tóc bù rối; Chỉnh lại quần áo khi bị xô xệch.
MT3. Hiểu về giá trị dinh dưỡng của các nhóm thực phẩm: Phân loại thực phẩm thường dùng theo nhóm giá trị dinh dưỡng (4 nhóm) Trẻ biết được một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe.	- Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm. - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).
MT4. Thực hiện các yêu cầu giữ vệ sinh (VS) cá nhân, đồ dùng và môi trường sống gần gũi: VS cá nhân hàng ngày mà không cần nhắc nhở và hỗ trợ; VS các đồ dùng chung	-Biết một số thói quen tốt để bảo vệ sức khỏe (Lựa chọn trang phục phù hợp theo mùa, vệ sinh thân thể và môi trường để giữ gìn sức khỏe) - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm, nguyên nhân và cách phòng tránh.

trong gia đình và lớp học - Trẻ biết rửa tay bằng xà phòng đúng thao tác. Vệ sinh mắt Trẻ biết tự mặc và cởi quần áo - Trẻ biết được một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh - Trẻ biết được hút thuốc lá có hại và không lại gần người đang hút thuốc - Trẻ biết thực hiện được một số việc đơn giản trong sinh hoạt hàng ngày - Trẻ biết không đi theo, không nhận quà của người lạ khi chưa được người thân cho phép	- Trẻ thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt - Che miệng khi ho, hắt hơi - Đi vệ sinh đúng nơi quy định - Bỏ rác đúng nơi quy định. - Tự mặc (Cài và mở cúc áo, quần) - Sửa trang phục ngay ngắn gọn gàng khi mặc xong. - Cài, cởi cúc, kéo khoá (phéc mơ tuya), khâu, luồn, buộc dây. - Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. + Không chơi những nơi nguy hiểm: ao, hồ sông, bể chứa nước, giếng, hồ vôi + Không tự lấy thuốc uống, không leo trèo bàn ghế, lan can. - Trẻ không lại gần người hút thuốc lá, biết nhắc nhở người khác không hút thuốc lá - Trẻ làm được một số công việc đơn giản: Như quét nhà sân, lấy nước, tắm cho người lớn, giúp một số việc nhỏ ở lớp..... - Trẻ không lại gần và nhận quà của người và không được đi theo nếu như chưa có sự cho phép của người thân + KNS: Thoát hiểm khi có cháy + KNS: Kỹ năng tham gia an toàn giao thông. + KNS: Phòng tránh đuối nước. + KNS: Kỹ năng phòng vệ trước những con vật nguy hiểm + KNS: Phân loại rác thải + KNS: Phòng tránh bắt cóc.
*Phát triển vận động	
MT5. Trẻ biết giữ thăng bằng khi thực hiện vận động: đi lên xuống ván dốc dài 2m x 3m một đầu kê cao 0,3m; không làm rơi vật trên đầu khi đi trên ghế thể dục	<i>*Bài tập phát triển chung và vận động cơ bản: đi/ chạy</i> + Đi trên dây (dây đặt trên sàn), đi trên ván kê dốc. + Đi nổi bàn chân tiến, lùi. + Đi, chạy thay đổi tốc độ, hướng, đích đích theo hiệu lệnh. + Đi thăng bằng trên ghế thể dục (2m x 0,25m x 0,35m) + Đi và đập bắt bóng.

	+Chạy 18m trong khoảng 10 giây. +Chạy chậm khoảng 100-120m.
MT6. Trẻ biết phối hợp nhanh nhẹn, khéo léo trong thực hiện bài tập tổng hợp: Chạy liên tục theo hướng thẳng 18m trong 10 giây; Bò đích dắc (5-6 điểm đích dắc cách nhau 1,5m);BAT xa 40cm - 50 cm... Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chất trong vận động: bật, chạy, bò/ trườn/ trèo	<i>*Bài tập phát triển chung và vận động cơ bản:</i> <i>Bật nhảy, bò trườn trèo</i> +Bật xa – Ném xa bằng 2 tay +Bật khép, tách chân - Chạy nhanh 10m. +Bật liên tục vào vòng. +Bật xa 40 - 50cm. + Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang; nhảy lên đưa một +Nhảy lò cò 5m . + Bật - nhảy từ trên cao xuống (40 - 45cm). + Bật qua 3- 4 vòng- Lăn bóng 4m +Bật tách chân, khép chân qua 7 ô. +Bật qua vật cản 15 - 20cm. +Bò bằng bàn tay và bàn chân 4m-5m. +Bò đích dắc qua 7 điểm. +Bò chui qua ống dài 1,5m x 0,6m. +Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm. +Trèo lên xuống 7 gióng thang.
MT7. Trẻ biết phối hợp tay - mắt trong vận động chuyền, tung, ném, đập, bắt bóng: Bắt và ném bóng với người đối diện (bắt được 03 lần liên không rơi với khoảng cách 4 m) Thể hiện được kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chất trong vận động: Ném/ chuyền/ tung /bắt	<i>*Bài tập phát triển chung và vận động cơ bản:</i> <i>ném, chuyền tung bắt</i> +Tung bóng lên cao và bắt. +Tung, đập bắt bóng tại chỗ. +Ném xa bằng 1 tay, 2 tay. +Ném trúng đích bằng 1 tay, 2 tay. +Chuyền, bắt bóng qua đầu, qua chân. + Ném và bắt bóng bằng 2 tay từ khoảng cách 4m - Ném đích nằm ngang- Chạy nhanh 12m - Ném xa bằng 2 tay- chạy nhanh 15m
MT8. Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số HĐ: vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số; cắt được theo đường viền của hình vẽ	- Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay - Bẻ, nắm - Lấp ráp - Xé, cắt vòng cung - Tô, đồ theo nét - Cài, cởi cúc, kéo khóa (phéc mơ tuya), khâu, luồn, buộc dây

Trẻ thực hiện được và phối hợp được các cử động của bàn tay ngón tay, phối hợp tay - mắt và sử dụng một số đồ dùng, dụng cụ	
Lĩnh vực phát triển nhận thức	
*Khám phá khoa học	
MT9. Gọi tên nhóm cây cối, con vật, phương tiện giao thông theo đặc điểm chung	- Quan sát, đặc điểm bên ngoài của con vật, của cây, hoa quả; PTGT ích lợi và tác hại đối với con người: + Động vật trong gia đình + Động vật dưới nước + Động vật trong rừng + Côn trùng và 1 số loại chim + Cây xanh và môi trường sống + Một số loại rau – củ + Một số loại hoa + Một số loại quả + Phương tiện và qui định giao thông đường bộ + Phương tiện và qui định giao thông đường thủy. + Phương tiện và qui định giao thông đường hàng không
MT10. Phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau	- Phân loại đồ dùng, một số phương tiện giao thông theo 2-3 dấu hiệu
MT11. Trẻ biết giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau Giải thích được mối quan hệ nguyên nhân- kết quả đơn giản trong cuộc sống hằng ngày - Hay đặt câu hỏi Trẻ có khả năng làm thử nghiệm và sử dụng công cụ để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét.... Trẻ thích khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng và biết sử dụng các giác quan để xem xét, thảo luận về sự vật hiện tượng	- Thích tìm hiểu khám phá môi trường xung quanh. Nêu được nguyên nhân dẫn đến hiện tượng đó. Giải thích bằng mẫu câu “ Tại vì...nên...” - Hay phát biểu - Tập trung chú ý trong khi học - Trẻ tham gia làm thí nghiệm đơn giản và có khả năng quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét... + Thả vật chìm nổi. + Pha màu nước, + Pha đường, muối chanh. + Trải nghiệm gió và chong chóng + Trẻ với cát nước. (in hình trên cát,đong, đo nước) + Pha màu + Mùa hè đến + Các hiện tượng tự nhiên. + Quan sát, trò chuyện về thời tiết..... + Làm thí nghiệm: Cây và nước... + Quan sát, trò chuyện về thời tiết.

Trẻ thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau Trẻ có khả năng nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng. Giải thích được một số mối quan hệ nguyên nhân - kết quả đơn giản trong cuộc sống hàng ngày	+ Quan sát trời mưa + Quan sát bầu trời. + Trải nghiệm với đá + Trải nghiệm với cát + Trải nghiệm làm vườn... Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống.... – Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, – Cây xanh và môi trường sống – Cây. thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa. Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa. Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng. – Các nguồn nước trong môi trường sống. Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây. – Một số đặc điểm, tính chất của nước. Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây - Nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của ánh sáng, nguồn nước, nắng mưa nóng lạnh trong sinh hoạt hàng ngày. Các nguồn nước trong môi trường sống, nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước: + Sự kỳ diệu của nước + Làm thí nghiệm sự dâng lên của nước + Làm thí nghiệm chất tan và không tan
* Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán	
MT12. Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng; so sánh đối tượng của 3 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả Trẻ nhận biết được số đếm, số lượng Trẻ biết tách, gộp một nhóm đối tượng trong phạm vi từ 6->10 thành	- Số 6 (tiết 1), - Số 6 (tiết 2); - Số 7 (tiết 1), - số 7 (tiết 2); - Số 8 (tiết 1), - số 8 (tiết 2); - Số 9 (tiết 1), - số 9 (tiết 2); - Số 10 (tiết 1), - Số 10 (tiết 2);

2 phần bằng nhiều khác nhau và so sánh số lượng của 2 phần - Trẻ biết được xếp các đối tượng sắp xếp tương ứng - Trẻ biết các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu và có khả năng nhận ra quy tắc sắp xếp và sao chép lại và sáng tạo	Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan. So sánh, phát hiện qui tắc sắp xếp và sắp xếp theo qui tắc. Tạo ra qui tắc sắp xếp
MT13. Trẻ biết gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm; tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau Trẻ có khả năng sử dụng lời nói để chỉ ra vị trí trong không gian và định hướng thời gian	- Số 6 (tiết 3) - Số 7 (tiết 3). - Số 8 (tiết 3) - Số 9 (tiết 3). - Số 10 (tiết 3) Xác định vị trí của đồ vật (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái) so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn.
MT14. Trẻ gọi đúng tên các thứ trong tuần, các mùa trong năm Trẻ nói ra được ngày trên lịch và giờ trên đồng hồ Trẻ biết gọi tên các ngày trong tuần theo thứ tự	– Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai. Gọi tên các thứ trong tuần. - Nói tên được các ngày trong tuần theo thứ tự, nói được ngày nào đi học ngày nào nghỉ trong tuần Nói được hôm nay là thứ mấy và hôm qua, ngày mai là thứ mấy Nói được hôm qua đã làm được gì...
MT15. Trẻ có khả năng nhận biết các con số từ 5-10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự, diễn đạt được kết quả đo	- Ôn số lượng trong phạm vi 5. - Ôn số lượng 1,2. - Ôn số lượng 3 - Ôn số lượng 4. Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe,...). - Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau. - Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo. - Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.
MT6. Gọi tên và chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa 2 khối (khối cầu-khối trụ, khối vuông khối chữ nhật);	- So sánh chiều rộng - Hình vuông, hình tam giác, hình chữ nhật - Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các khối hình đó trong thực tế. - Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình

	mới theo ý thích và theo yêu cầu. -Tạo ra một số hình hình học bằng các cách khác nhau.
*Khám phá xã hội	
MT17. Trẻ tự tin giới thiệu đúng họ tên, ngày sinh, giới tính của bản thân và người thân trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình Trẻ nói được địa chỉ gia đình mình (số nhà, đường phố/thôn, xóm), số điện thoại (nếu có) ... khi được hỏi, trò chuyện. Trẻ nói được tên và địa chỉ trường, lớp, một vài đặc điểm của các bạn trong lớp, tên và công việc của cô giáo, các cô bác trong trường, các hoạt động của trẻ ở trường mầm non.	- Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân: + Bé Tự giới thiệu về mình + Cơ thể tôi và bạn. + Tôi cần gì để lớn lên và khỏe mạnh + Quan sát: bạn trai, bạn gái... - Tên, địa chỉ của trường, lớp, tên và các bạn. Các hoạt động trong trường MN: + Trường mầm non của bé. + Lớp học của bé + Các hoạt động ở trường MN - Quan sát: Các phòng ban trong trường, quan sát hoạt động của lớp khác Họ, tên và công việc của bố mẹ, các thành viên trong gia đình và công việc của họ. Nhu cầu cần thiết của gia đình. Địa chỉ gia đình: + Những người thân yêu trong gia đình + Nhu cầu gia đình Trẻ nói được địa chỉ của gia đình

MT18. Trẻ biết kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội; biết cùng cô tổ chức một số hoạt động đón chào các ngày lễ hội trong năm Trẻ kể được tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước. Trẻ biết tên Trường tiểu học, biết một số đồ dùng và hoạt động của học sinh lớp 1	Nhận biết các hoạt động trong ngày tết trung thu. Ngày hội bé đến trường. Ngày tết quê em. Ngày hội cô giáo. Lễ hội mừng xuân. Ngày 8 /3. Vui ngày hội cô giáo. Lễ hội đèn công. Ngày tết của chú bộ đội. Ngày sinh nhật Bác hồ. Ngày tết thiếu nhi 1/6..... Nhận biết đặc điểm nổi bật về quê hương Diên Lộc, Diên Châu, Nghệ An với những địa danh: Đền Hạc Linh Sơn, rú mùa, Đền An Dương Vương, Hồ Xuân Dương, Sông Bùng, Lèn Hai Vai, Quê Bác Hồ, Quảng Trường Hồ Chí Minh.... Cờ tổ quốc, tên của di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh.... - Bé lên trường tiểu học- Tham quan trường tiểu học.
MT19. Trẻ nói được đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề	- Gọi tên, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến nghề truyền thống của địa phương: + Nghề sản xuất nông nghiệp + Nghề xây dựng + Nghề chăm sóc sức khỏe + Chú bộ đội bé yêu + Quan sát: <u>Dụng cụ, sản phẩm của các nghề</u>
MT20. Nói được một số đặc điểm nổi bật của các mùa trong năm nơi trẻ sống	- Trẻ có khả năng phân biệt ngày hôm qua, hôm nay, ngày mai qua các sự kiện hàng ngày
Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ	
MT21. Trẻ lắng nghe và biết nhận xét ý kiến của người đối thoại Trẻ thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể Trẻ có khả năng hiểu nghĩa một số từ khái quát chỉ sự vật, hiện tượng đơn giản, gần gũi Trẻ biết sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,... phù hợp với ngữ cảnh và điều chỉnh giọng nói phù hợp	Hiểu người khác nói và có khả năng nhận xét với người khác Hiểu các yêu cầu trong hoạt động cùng các bạn Hiểu các từ khái quát, từ trái nghĩa: phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập,...). Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng. Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu hoàn cảnh và điều chỉnh giọng điệu một cách phù hợp. Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của mình

Dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh,.. Trả lời và đặt các câu hỏi Trẻ biết sử dụng một số từ chào hỏi và từ lễ phép phù hợp với tình huống; Trẻ biết chờ đến lượt trong trò chuyện, không nói leo, không ngắt lời người khác; Trẻ biết không nói tục, chửi bậy	bằng các loại câu phù hợp. Trả lời các câu hỏi nguyên nhân, so sánh - Sử dụng các từ: cảm ơn, xin lỗi. xin phép, thưa, dạ, vâng... phù hợp với tình huống - Khi người khác nói chuyện không ngắt ngang lời, không nói leo, Không dùng những lời nói thô tục để nói và chửi bậy với người khác
--	--

MT22. Trẻ biết đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, ca dao	Trường MN Nghe lời cô giáo (Nguyễn Văn Chương), Bàn tay cô giáo (Định Hải), C« gi, o, BẾp b^anh (Lê Thị Hiền), Gụ hắc ch÷ (Phạm Trung Hiếu), Lụm quen ch÷ sè (Vương Trọng); Trắng ời từ đâu đến (Trần Đăng Khoa); Trắng sáng (Tác giả: Phạm Hồ) * Bản thân: Tay ngoan (Võ Thị Như Chơn), ChiỐc băng (Phạm Thanh Quang), Bé học toán (Phan Thị Thu Huyền); Tình bạn (Trần Thị Hương); Mùa thu sang (Trần Đăng Khoa); Chơi ú tim (Phạm Hồ) C, i lưỡi (L^a Thị Mỹ Phương), Em vĩ (Gia Lai), Xê tay(Phong Thu). Bé chẳng sợ tiêm, Đôi mắt của em (Tác giả:Lâm Thị Mỹ Phương) *Gia đình: Em yêu nhà em (Đàm Thị Lam Luyến), Làm anh (Phan Thị Thanh Nhàn), Giữa vòng gió thơm (Quang Huy), Ngôi nhà, Mẹ của em (Trần Quang Vịnh); Quạt cho bà ngủ (Thạch Quỳnh); Ông cháu nhà vịt (Trần Minh) *Nghề nghiệp Chú bộ đội hành quân trong mưa (Vũ Thùy Hương), Làm bác sỹ (Lê Ngân), Hạt gạo làng ta (Trần Đăng Khoa), Chiếc cầu mới (Thái hoàng Linh). Cái bát xinh xinh (Thanh Hòa); ước mơ của tỳ (Lưu Thị Ngọc Lễ); Làm bác sỹ; Bát com ngày mùa (Nguyễn Thị Thảo) * Động vật: Mèo đi câu cá (Thái hoàng Linh), Gà nở (Phạm Hồ), Gà mẹ đêm con (Nguyễn Duy Ché), Con chim chiền chiện (Huy Cận); Mèo đi câu cá (Thái Thùy Linh); Nàng tiên ốc (Phan Thị Thanh Nhàn);
---	--

	Chú bò tìm bạn; * Thực vật: Hoa kết trái (Thu Hà), Hoa cúc vàng (Nguyễn Văn Chương), Hoa đào (Mai Văn Hải), Ăn quả(Hồng Thu), --- Bó hoa tặng cô (Ngô Quân Miện), Cây đào; Giàn gác (Đặng Vương Hưng); Mùa xuân (Trần Đăng Khoa); Lời chào của hoa; * Giao thông: Chúng em chơi giao thông (Ngô Tô Hải), Bé và mẹ (Lương Thị Xiêm), Chú cảnh sát giao thông (Hương Mai), Cháu dắt tay cô (Bùi Thị Tình); cháu dắt tay ông (Nguyễn Phan Khuê); Đàn Kiến nó đi (Hương Mai); Tiếng còi tàu (Hồng Vỹ); Cô dạy con (Bùi Thị Tình); * Hiện tượng tự nhiên: Mùa hè của em (Tuyết Hoa), Mưa (Trần Đăng khoa), Nắng bốn mùa (Mai Anh Đức). Gió, Bình minh trong vườn, Mưa rơi (Xuân quỳnh). Ông mặt trời (Ngô Thị Bích Hiền); Mùa xuân; Trăng ơi từ đâu đến, Trưa hè, * Quê hương - Đất nước - Bác Hồ - TTH Gà tơ đi học, Bác Hồ của em(Phan Thị Thanh Nhàn), Ảnh Bác (Trần Đăng Khoa), Quê em, Quê em vùng biển; Về quê (Nguyễn Thắng); * Ca dao, đồng dao: <u>Đồng dao:</u> - Tay đẹp, con công hay múa, Rềnh rềnh rành rành, vuốt hột nỏ.trời mưa cho mối bắt gà <u>Ca dao:</u> - Công cha như núi hái sơn, Chim trời ai dễ đếm lông, Anh em nào phải người xa, Con cò bay lả, bay la, Nhiều điều phủ lấy giá gương Đọc các bài thơ về chủ đề chủ điểm, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi
MT23. Trẻ biết kể chuyện sáng tạo	Nhìn vào tranh vẽ trọng truyện trẻ có thể nói nội

theo tranh, đồ vật đồ chơi và kinh nghiệm của bản thân

Trẻ biết kể về một sự việc, hiện tượng nào đó để người khác hiểu được;

dung tranh.....

- Trẻ dùng lời nói để kể lại sự việc, hiện tượng mà mình biết cho người khác nghe một cách dễ hiểu
Kể chuyện theo tranh, đồ vật, kể lại sự việc theo tình tự

Trẻ biết miêu tả sự việc với các thông tin về hành động, tính cách, trạng thái, ... của nhân vật

Nghe cô kể chuyện, Kể lại chuyện đã được nghe, có mở đầu, kết thúc.

* Kể lại câu chuyện trong các chủ đề:

Trường MN

Ngày đầu đến lớp, Mời bạn đến nhà, Thỏ trắng biết lỗi(Phùng Kim Liên),

Bài học đầu năm, Mèo con và quyển sách (Trần Thị Thu);

Món quà của cô giáo; Ai quan trọng nhất; Sự tích chú cuội cung trăng;

*** Bản thân:**

Mỗi người mỗi việc (Lê Thị Thu Hương),

Cái môm(Phùng Thành Chung),

Cháu rất nhớ bạn, Câu chuyện của tay trái, tay phải(Lý Thị Minh Hà),

Chuyện của dê con; Đôi tai xấu xí; Cái đuôi của sóc nâu; Giấc mơ kỳ lạ; Cháu rất nhớ bạn ấy;

*** Gia đình:**

Ai đáng khen nhiều hơn (Phong Thu),

Ba cô gái (Thu Thủy),

Bàn tay có nụ hôn (Thanh Nga); Hai anh em ; Cây gia đình của cóc nâu; Hai anh em gà con;

*** Nghề nghiệp:**

Truyện: Quả dưa hấu, Thần sắt, Cây rau của thỏ út, Ba anh em (truyện cổ Grim)

*** Động vật:**

Chú dê đen (Nhà xuất bản giáo dục),

Truyện của dê con, Dê con nhanh trí, mèo lại hoàn mèo (Truyện ngụ ngôn Việt Nam),

Cá câu vòng(Cẩm Bích), Con gà trống kiêu căng (Trần Thị Ngọc tâm);

Ai đáng khen nhiều hơn; Quả trứng của ai; Cuộc thi bơi của tôm cua cá; Cá diếc con; Bác sỹ chim;

*** Thực vật:**

Quả bầu tiên (Kim Tuyền),

	Cây trẻ trăm đốt (Phỏng theo truyện cổ tích), Sự tích hoa hồng (Theo báo hoa hồng), hoa bìm bịp. Sự tích bánh chưng bánh dày (Truyện cổ tích việt nam), Sự tích cây khoai lang (Theo báo họa mi), Cây rau của thỏ út; Chiếc áo mùa xuân (Phương Anh); Chuyện của hoa phù dung (Nguyễn Thái Vân) * Giao thông: Một phen sợ hãi (Phạm Minh Thư), Kiến con đi xe ô tô (Phạm Mai Chi), Những tấm biển biết nói , Thỏ con đi học (Đỗ Thị Ngọc Anh), Qua đường (T.H); Vì sao thỏ cụt đuôi (Phạm Hoàng Yển); Những tấm biển biết nói (Nguyễn Đức) * Hiện tượng tự nhiên: <i>Truyện:</i> Sự tích ngày và đêm, Sơn tinh, thủy tinh(Phỏng theo truyện cổ tích việt nam), Con vật bị rơi xuống nước, Giọt nước tí xíu (Nguyễn Linh); Nàng tiên bóng đêm (Vi Tiểu Thanh); Chú bé giọt nước; Cô con út của ông mặt trời (Thu Hằng) * Quê hương - Đất nước - Bác Hồ - TTH <i>Truyện:</i> Sự tích Hồ gương (Phỏng theo truyền thuyết sự tích hồ gương), Quả táo, Niềm vui bất ngờ (Nhà xuất bản kim đồng). Thánh gióng (Phỏng theo truyện cổ tích việt nam); Sơn tinh thủy tinh; Mèo con và quyền sách (Trần Thị Thu) - Đóng kịch: đóng vai các nhân vật trong chuyện theo lời dẫn chuyện.
MT24. Trẻ biết nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái tiếng Việt	- Trẻ đọc và phát âm chính xác 29 chữ cái tiếng việt theo các nhóm chữ O ô ơ; a ă â; e ê; u ư; i t c; b d đ; m n; l h k; p q; g y; s x; v r. Và nhận ra được các chữ cái đó trong cuộc sống hàng ngày Tập tô, đồ các nét chữ và sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên mình Làm quen với một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông Hiểu rằng có thể dùng tranh ảnh, chữ viết thay cho lời nói Hiểu rằng chữ viết có ý nghĩa nào đấy...

MT25. Có hành vi đúng khi sử dụng sách và các đồ dùng để viết: Cầm sách, cầm bút, giở sách đúng cách: cầm đúng chiều, mở từ trang bìa, lật sách, chỉ vào chữ từ trái sang phải, từ trên xuống dưới; biết cách viết chữ theo thứ tự từ trái sang phải, từ trên xuống dưới; Để sách, bút đúng nơi quy định, không vẽ bậy, làm nhàu, nhàu, hỏng sách Trẻ có khả năng chọn sách để xem và đọc Trẻ thể hiện thích thú với sách Trẻ thể hiện hành vi giữ gìn, bảo vệ sách Trẻ biết cách “đọc sách” từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách	Xem và đọc các loại sách khác nhau Biểu hiện hành vi giả vờ đọc sách Hứng thú tham gia hoạt động học, kể chuyện..... Đặt sách đúng nơi quy định Không ném vẽ bậy lên sách... Có thái độ tốt với sách +Hướng đọc, viết : từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. +Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu.
Lĩnh vực giáo dục phát triển tình cảm xã hội	
MT26. Trẻ nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (dáng vẻ bề ngoài, giới tính, sở thích và khả năng) Trẻ nói ra được một số thông tin quan trọng về bản thân và gia đình ; Trẻ biết nói ra được khả năng và sở thích riêng của bản thân Trẻ biết cách ứng xử phù hợp với giới tính của bản thân Trẻ biết đề xuất trò chơi và hoạt động thể hiện sở thích của bản thân.	-Nói tên, tuổi, giới tính của bạn thân, tên bố tên mẹ và mọi thành viên trong gia đình -Sở thích, khả năng của bản thân.Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời các câu hỏi - Điểm gì giống và khác nhau của mình với người khác (dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng). -Nói được những gì mình thích và không thích của bản thân, Biết cách chăm sóc bản thân (Ăn mặc, trang phục, cách chơi và sử dụng đồ chơi...) Tự mình đề xuất các trò chơi, hoạt động mà mình thích.
MT 27. Trẻ biết một vài cảnh đẹp và di tích lịch sử, lễ hội và vài nét văn hoá truyền thống (trang phục, món ăn...) của quê hương đất	Quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước. Thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ, các danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử.. - Có ý thức gìn giữ, bảo vệ những danh lam, thắng

nước. Trẻ biết quan tâm một số cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống của quê hương, đất nước, nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với cuộc đời hoạt động của Bác, thể hiện tình cảm đối với Bác,	cảnh của địa phương, đất nước - Quý mến, biết ơn và có ý thức bảo vệ những nơi gắn liền với Bác Hồ
MT 28. Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: Sau khi chơi cất ĐC vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép; Trẻ biết cố gắng thực hiện công việc đến cùng. Trẻ thể hiện được sự vui thích khi hoàn thành công việc, Trẻ chủ động làm một số công việc đơn giản hằng ngày; Trẻ biết thực hiện một số qui định trong gia đình, trường, lớp mầm non, nơi công cộng	Thực hiện công việc được giao(Trục nhật, xếp dọn đồ chơi Vui mừng khi bản thân hoàn thành một công việc như: xếp bàn ghế, cất dọn đồ dùng, đồ chơi Biết làm những công việc đơn giản mà không cần người khác nhắc nhở Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng, trật tự khi ăn, khi ngủ, đi bên phải lề đường, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép
MT 29. Trẻ biết chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác, biết chờ đến lượt Trẻ biết vâng lời người lớn Trẻ biết nhận ra các trạng thái cảm xúc vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ của người khác; Trẻ biết thể hiện sự an ủi và chia vui với người thân và bạn bè Trẻ biết thay đổi hành vi và thể hiện	Lắng nghe những gì người lớn nói - Chơi hòa thuận với bạn - Sẵn sàng chờ đến lượt của mình - Nhận biết được một số trạng thái cảm xúc: Vui buồn, sợ hãi... với những người xung quanh. Quan tâm đến bố, mẹ, anh chị em ruột, người thân. - Cảm xúc vui, buồn, sợ hãi...trong hoạt động đọc thơ kể chuyện, hoạt động tạo - Chia sẻ và an ủi người khác trong mọi hoàn cảnh

cảm xúc phù hợp với hoàn cảnh Trẻ biết mạnh dạn nói ra ý kiến của bản thân. Trẻ biết Lắng nghe ý kiến của người khác Trẻ có khả năng bộc lộ cảm xúc của bản thân bằng lời nói và cử chỉ, nét mặt; Trẻ biết lắng nghe ý kiến trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm với bạn và biết chờ đến lượt	không vui Thể hiện hành vi, thái độ phù hợp với các hoàn cảnh khác nhau Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến Im lặng, lắng nghe ý kiến của mọi người xung quanh Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp khác nhau Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sự. -Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận
MT 30. Trẻ biết ứng xử phù hợp với giới tính của bản thân Trẻ dễ hoà đồng với bạn bè trong nhóm chơi;	Thân thiện gần gũi với các bạn trong nhóm chơi
MT31. Trẻ biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác chấp nhận nhường nhịn) Trẻ có khả năng dùng lời nói, nhờ sự can thiệp của người khác để giải quyết mâu thuẫn Trẻ biết thay đổi hành vi và thể hiện cảm xúc phù hợp với hoàn cảnh Trẻ biết kiềm chế cảm xúc tiêu cực khi được an ủi, giải thích Trẻ biết chủ động giao tiếp với bạn và người lớn gần gũi; Trẻ có khả năng trao đổi ý kiến của mình với các bạn Trẻ biết thể hiện sự thân thiện, đoàn	Trẻ dùng lời nói hoặc nhờ người lớn giúp đỡ để giải quyết mâu thuẫn Thể hiện hành vi, thái độ phù hợp với các hoàn cảnh khác nhau Trấn tĩnh lại và kiềm chế những hành vi tiêu cực khi có cảm xúc thái quá. Biết sử dụng lời nói diễn tả cảm xúc tiêu cực + Chủ động trò chuyện với bạn và những người xung quanh + Có nhóm bạn hay chơi cùng nhau khi ở nhà cũng như ở lớp học + Dùng lời nói của mình để trao đổi ý kiến của bản thân với các bạn Biết trình bày ý kiến của mình với các bạn Dùng lời để trao đổi hoặc biết nhờ đến sự giúp đỡ Biết thỏa thuận dựa trên sự hiểu biết về quyền của mình và nhu cầu của bạn Tôn trọng, hợp tác chấp nhận - Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn - Luôn tỏ thái độ khi thấy không công bằng với bạn - Có ý kiến về sự không công bằng giữa các trẻ - Nêu được cách tạo lại sự công bằng

kết với bạn bè Trẻ biết quan tâm đến sự công bằng trong nhóm bạn Trẻ có thói quen chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi và xưng hô lễ phép với người lớn; Thể hiện sự quan tâm, đồng cảm đến mọi người xung quanh Trẻ biết nhận xét được một số hành vi đúng hoặc sai của con người đối với môi trường	- Có mong muốn lập lại sự công bằng - Có những lời nói thân thiện, lễ phép khi giao tiếp với mọi người xung quanh Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi (đúng - sai), (tốt - xấu)
MT 32. Thể hiện sự quan tâm, đồng cảm đến mọi người xung quanh Trẻ biết sẵn sàng giúp đỡ khi người khác gặp khó khăn Trẻ biết sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ đơn giản cùng người khác Trẻ thích chăm sóc cây cối, con vật quen thuộc Trẻ có nhóm bạn chơi thường xuyên; Trẻ biết chấp nhận sự phân công của nhóm bạn và người lớn; Trẻ nhận ra việc làm của mình có ảnh hưởng đến người khác Trẻ biết có hành vi bảo vệ môi trường trong sinh hoạt hàng ngày và tiết kiệm trong sinh hoạt	Trẻ giúp đỡ mọi người xung quanh khi họ gặp khó khăn Hợp tác với người khác để thực hiện công việc đơn giản Dùng các dụng cụ, đồ dùng để chăm sóc cây cối, con vật một cách hứng thú Có ít nhất 2 bạn hay cùng chơi với nhau - Vui vẻ chấp nhận công việc và cố gắng hoàn thành khi được người khác phân công Nhận ra vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học, cộng đồng Thể hiện hành vi đúng /sai đối với MTXQ trong sinh hoạt hàng ngày -Bỏ rác vào thùng rác có nắp đậy ở nơi công cộng, trong lớp học và gia đình. - Khi rửa tay không để nước tràn ra ngoài, tắt điện khi ra khỏi phòng
Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ	
MT33. Trẻ chăm chú lắng nghe và	* Nghe hát – nghe nhạc:

hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc

*** Trường MN**

- “Ngày đầu tiên đi học”(Nhạc: Nguyễn Ngọc Thiệp); “Bài ca đi học”(Phan Trần Bảng); “Chiếc đèn ông sao”(Phạm Tuyên); “Vườn trường mùa thu”(Cao Minh Khanh); “Bé đi học” (Hoàng Tiến)

*** Bản thân**

- “Cho con”(Phạm Trọng Cầu); “Em là bông hồng nhỏ”(Trịnh Công Sơn); “Năm ngón tay ngoan”(Trần Văn Thụ); “Năm tay thân thiết” (Nhạc: Hàn)

*** Gia đình**

- “Ru con”(Dân ca Nam Bộ); “Khúc hát ru của người mẹ trẻ” (Nhạc: Phạm Tuyên – Thơ: Lâm Thị Mỹ Dạ); “Lời ru trên nường”(Nhạc: Trần Hoàn – Thơ: Nguyễn Khoa Điềm) “Niềm vui gia đình”;

*** Nghề Nghiệp**

- “Màu áo chú bộ đội”(Nguyễn Văn Tý); “Hạt gạo làng ta” (Nhạc: Trần Viết Bính – Thơ: Trần Đăng Khoa); “Đưa cơm cho mẹ đi cày”; “Bài ca Người giáo viên nhân dân” (Nguyễn Văn Tý)

*** Thực vật**

- “Lý chiều chiều”; “Hoa trong vườn” (Dân ca Thanh Hóa); “Hoa thơm bướm lượn”(Dân ca QH Bắc Ninh); “Vườn cây của ba” “Hạt gạo làng ta”(Nhạc: Trần Viết Bính – Thơ: Trần Đăng Khoa) - “Mùa xuân ơi”(Nguyễn Ngọc Thiệp)

*** Động vật**

“Chú mèo con”(Nguyễn Đức Toàn); “Chim bay”(Theo điệu lý thương nhau); “Bắc kim thang”(Dân ca Nam Bộ); “Em như chim bồ câu trắng” (Trần Ngọc); “Lý hoài nam” (Dân ca Quảng Trị - Thừa Thiên Huế) - Dân ca (tự chọn);

*** Giao Thông**

“Bài ca cảnh sát giao thông”; “Anh phi công ơi”(Nhạc: Xuân Giao – Lời Xuân Quỳnh); “Lời ru trên nường”(Nhạc:.....Thơ: Nguyễn Khoa Điềm)

*** Nước - HTTN**

- “Đêm phao”; “Bèo dạt mây trôi” (Dân ca Quan họ Bắc Ninh) ; “Mưa rơi”(Dân ca Xá); “Tia nắng, hạt mưa” Ánh trăng hòa Bình(Mộng lân)

*** QHĐN- Bác Hồ**

- “Từ rừng xanh... lăng Bác”(Hoàng. Long &

	Hoàng Lâm); “Em yêu trường em”(Hoàng Vân);“Việt Nam quê hương tôi”; “Đi học” (Nhạc: Bùi Đình Thảo – Thơ: BDT & Minh Chính); “Em nhớ Tây Nguyên” (Văn Tấn & Trần Quang Huy);
MT34. Trẻ biết hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ; biết vận động nhịp nhàng, phù hợp bằng các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa minh họa)	*Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát về các chủ đề, chủ điểm và vận động phù hợp với các bài hát trong độ tuổi * Trường MN - Ngày vui của bé (Hoàng Văn Yến), Em đi mẫu giáo (Dương Minh Viên) V-ên tr-êng mĩa thu (Cao Minh Khanh), Nh÷ng khúc nh¹c hằng (Trần Xuân Mẫn), Bùn tay c« gi, o (Nhạc:Phạm Tuyên - Lời:Đình Hải), R-íc @Ỉn d-ỉ , Gác Trăng (Nhạc:Hoàng Văn Yến.Lời:Nguyễn Trí Tâm).Hoa trường em (Dương Hưng Bang); Đêm trung thu (Phùng Như Thạch) * Bản thân - Cái mũi (Nhạc:Nước ngoài.Lời:Lê Đức-Thu Hiền), Càng lớn càng ngoan, Mũi b¹n ²n (Trần Ngọc), Khu«n mÆt cười (Nhạc:Hàn Quốc), Đường vù ch©n (Nhạc:Hoàng Long.Lời:Xuân Tửu); Tôi bị ốm; Gà gáy vang dậy bạn ơi (Văn Dung); Nắng sớm (Hàn Ngọc Bích); Cùng đi đều; Tay thơm tay ngoan (Bùi Đình Thảo); * Gia đình - ơng ch, u (Phong Nhã), BÐ chăm quÐt nhự (Hà Đức Hậu), C¶ nhự @Ờu y²u (Bùi Anh Tôn), Bà còng (Phạm Tuyên).; Nhà của tôi (Chu Hiền); * Nghề Nghiệp - Cô giáo miền xuôi (Mộng Lâm), Cháu yêu cô chú công nhân (Hoàng Văn Yến), Lớn lên cháu lái máy cày (Kim Hữu), Bác đưa thư vui tính (Hoàng Lâm); Cháu yêu cô thợ dệt (Thu Hiền); Cháu thương chú bộ đội (Hoàng Văn Yến); Chú bộ đội đi xa; * Động vật - Chú mèo con (Nguyễn Đức Toàn), Cá vàng bơi (Hà Hải), Chú voi con (Phạm Tuyên), Vật nuôi (Nhạc:Anh.Dịch:Đào Ngọc Dung, Con chuồn chuồn (Vũ Đình Lê), Chim chÝch b«ng (Nhạc:Văn Dung - Lời Nguyễn Viết Bình), Những khúc nhạc hồng (Trần Xuân Mân), Đố bạn (Hồng Ngọc); Voi làm xiếc; Chú voi con ở bản Đôn (Phạm Tuyên)

	* Thực vật - Qu¶ (Xanh Xanh), BÇu vµ bÝ (Nhạc: Phạm Tuyên.Lời:Dân ca cổ), Hoa tr-êng em (Dương Hưng Bang), Mµu hoa (Hồng Đăng), Mĩa xu©n (Hoàng Văn Yến), Em yªu c©y xanh (Hoàng Văn Yến), Em thêm một tuổi (Trương Quang Lục), Lá xanh (Thái Cơ), Mùa xuân đến rồi (Phạm Thị Sửu), Ngày vui 8-3 (Hoàng văn Yến).Sắp đến tết rồi (Hoàng Vân); Cùng múa hát mừng xuân (Hoàng Hà) * Giao Thông - Đường và chân(Nhạc Hoàng Long – Lời thơ Xuân Tũr), Đèn xanh đèn đỏ(Nhạc Lương Vĩnh lời thơ Thế Hội), Em đi qua ngã tư đường phố(Hoàng Văn Yến), em đi chơi thuyền (Trần Kiệt Tường).; Đường em đi (Ngô Quốc Tính), Bạn ơi có biết (Hoàng Văn Yến) * Nước - HTTN - Cho tôi đi làm mưa với(Hoàng Hà) Bé và trắng(Bùi Anh Tôn) Chị Ong nâu và em bé(Tân Huyền) * QHĐN- Bác Hồ - Quê hương tươi đẹp(Dân ca nùng) Nhớ giọng Bác Hồ(Tạ Hữu Yên)Cháu vẫn nhớ trường mầm non(Hoàng Lân) Tạm Biệt búp bê(Hoàng Thông) Trái đất này là của chúng mình(Đinh Hải) Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc.
MT 35. Trẻ phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối Trẻ biết vẽ và tô màu kín, không chừa ra ngoài đường viền các hình vẽ; Trẻ có thể dán các hình đúng vị trí cho trước không bị nhăn Trẻ biết phối hợp các kỹ năng tạo hình để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối Trẻ có thể cắt theo viền các hình thẳng và cong của các hình đơn giản - Biết cách làm lốm, đổ bột, bẻ lœ,	- Vẽ và tô màu đồ chơi trong trường MN - Vẽ và tô màu cô giáo. - Vẽ và tô màu chân dung bé. - Vẽ chân dung người thân trong gia đình. - Vẽ cái nồi/xoong. - Vẽ đồ dùng dụng cụ nghề nông. -Vẽ trang trí cái cốc. - Vẽ tranh chú bộ đội bảo vệ biển đảo. - Vẽ con gà trống. - Vẽ tàu thuyền trên biển. - Vẽ cảnh biển. -Vẽ trang phục theo mùa theo ý thích. - Vẽ cảnh quê hương em. -Vẽ vườn hoa lăng Bác.

vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để tạo thành sản phẩm có nhiều chi tiết.	- Vẽ đồ dùng học sinh lớp 1. - Vẽ, tô màu trường tiểu học - Cắt dán khuôn mặt biểu lộ cảm xúc. - Xé dán bông hoa, trang trí cửa sổ. - Cắt dán cái thang cho chú công nhân. - Xé dán trang trí bình hoa tặng cô giáo. - Cắt dán con vật sống dưới nước. - Xé dán máy bay - Xé dán theo ý thích Phối hợp các kĩ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục. Cắt được hình không bị rách Đường cắt lượn theo các nét vẽ Nặn bánh ngày tết. - Nặn các đồ vật, đồ chơi, đồ dùng gia đình, con vật, hoa quả, ... - Nặn theo ý thích
MT36. Trẻ biết phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm	- Trang trí bưu thiếp ngày tết. - Trang trí rèm cửa lớp học. - Trang trí khăn quàng cổ; - Tạo hình rau, củ , quả; - Làm các con vật từ lá cây. - Tạo hoa từ dầu vôi tay. - Làm bức tranh đề tài về chủ đề từ các nguyên vật liệu thiên nhiên(lá cây, hạt gạo, que, giấy vụn . len vụn, rơm rạ...- Chủ đề thực vật, động vật, PTGT, Quê hương- ĐN- BH) - Làm đèn giao thông - Làm bưu thiếp
MT37. Trẻ biết nói lên ý tưởng biết lựa chọn và sử dụng các vật liệu đa dạng và phối hợp màu sắc, hình dạng đường nét để tạo ra sản phẩm tạo hình theo ý thích và đặt tên cho sản phẩm tạo hình. Trẻ biết nhận xét và giữ gìn sản phẩm của mình, của bạn Trẻ thể hiện sự thích thú trước cái đẹp. Trẻ thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của	- Nói lên ý tưởng tạo hình của mình - Nói lên nhận xét của mình cho sản phẩm tạo hình - Đặt tên cho sản phẩm tạo hình của mình tạo ra Trẻ có những biểu hiện thích thú, reo lên, trước cảnh đẹp... Thể hiện thái độ trước các tác phẩm nghệ thuật và dùng từ gợi cảm để nói lên cảm xúc của mình Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.

mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình - Tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, đánh điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	
MT38. Trẻ biết tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích	Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách nhịp, tiết tấu (nhANH, chậm, phối hợp). - Biểu diễn cuối chủ đề Trường Mầm non - Biểu diễn cuối chủ đề Bản thân - Biểu diễn cuối chủ đề Gia đình - Biểu diễn cuối chủ đề Ngành nghề - Biểu diễn cuối chủ đề Động vật - Biểu diễn cuối chủ đề Thực vật, tết, mùa xuân - Biểu diễn cuối chủ đề Giao thông - Biểu diễn cuối chủ đề Nước hiện tượng tự nhiên - Biểu diễn cuối chủ đề Quê hương- Đất nước- Bác Hồ- Trường tiểu học * Trò chơi âm nhạc: - Ai nhanh nhất - Tai ai tinh - Khiêu vũ - Những nốt nhạc vui - Tiếng hát ở đâu - Nghe giai điệu đoán tên bài hát - Bịt mắt đoán tên bạn hát - Hát theo hình vẽ - Vũ điệu sôi động - Nghe tiếng hát tìm đồ vật - Vũ hội ngành nghề - Bạn nào hát - Nghe thẩu hát tài
MT 39. Tin học: Sử dụng được một số thiết bị công nghệ an toàn, đúng cách và thực hiện đúng một số thao tác với thiết bị công nghệ quen thuộc dưới sự hướng dẫn của người lớn: bật/tắt (đúng nhu cầu), sử dụng điều khiển/chuột máy tính...	Biết sử dụng được một số thiết bị công nghệ an toàn, đúng cách và thực hiện đúng một số thao tác với thiết bị công nghệ quen thuộc dưới sự hướng dẫn của người lớn: bật/tắt (đúng nhu cầu), sử dụng điều khiển/chuột máy tính

MT40. Ngoại ngữ: Tự tin trong giao tiếp chào hỏi, tạm biệt bằng tiếng Anh; Nhận diện, nhận biết được một số từ chỉ: người thân trong gia đình, cô giáo, đồ vật, sự vật hiện tượng đơn giản gần gũi với trẻ; đếm từ 1-10 bằng tiếng Anh; biết hát một số bài hát tiếng Anh đơn giản gần gũi với trẻ	Trẻ Tự tin trong giao tiếp chào hỏi, tạm biệt bằng tiếng Anh; Nhận diện, nhận biết được một số từ chỉ: người thân trong gia đình, cô giáo, đồ vật, sự vật hiện tượng đơn giản gần gũi với trẻ; đếm từ 1-10 bằng tiếng Anh; biết hát một số bài hát tiếng Anh đơn giản gần gũi với trẻ
--	--

Diễn Lộc, ngày 20 tháng 08 năm 2024

NGƯỜI LẬP



Cao Thị Hiền

HIỆU TRƯỞNG



Cao Thị Hà